

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-02-2025
Về việc tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Dương Đức Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Diệu H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn X, sinh năm 1957 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Văn H1, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng Bình, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắc RLấp, tỉnh Đắc Nông

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tuấn X, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tuấn X: Ông Nguyễn Văn Nuôi - Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án)

2. Ông Quách Bá Tông, sinh năm 1953 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Diệu H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Tuấn X trình bày:

Con của ông là Nguyễn Diệu H kết hôn với Lý Văn H1 và có ba con nhưng không được hạnh phúc nên Nguyễn Diệu H có đơn ly hôn với Lý Văn H1. Ngày 03 tháng 01 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện U Minh đã ra quyết định công nhận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2023/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Diệu H và ông Lý Văn H1, về phần tài sản chung Nguyễn Diệu H và ông Lý Văn H1 xác định là tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn đã rất nhiều lần Nguyễn Diệu H yêu cầu ông Lý Văn H1 chia tài sản chung cho Nguyễn Diệu H nhưng ông Lý Văn H1 không đồng ý chia. Vợ chồng Nguyễn Diệu H có các tài sản chung như sau: Một phần đất rừng tại ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.556m² tại thửa số 1, tờ bản đồ 19, trong phần đất có phần đất của ông Quách Bá Tông cho ông có diện tích là 1.000m² có xác nhận của chính quyền địa phương, phần đất còn lại có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.556m² là của vợ chồng Huyền. Do ông là cha ruột của Nguyễn Diệu H nên ông đồng ý để cho Nguyễn Diệu H và ông Lý Văn H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ông được ông Tông cho. Tại phiên tòa ông xác định yêu cầu chia tài sản chung của Huyền theo diện tích đo đạc thực tế. Như vậy, tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Diệu H là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.481,9m², bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lý Văn H1 đang quản lý; 01 căn nhà cất trên phần đất có giá trị khoản 60.000.000 đồng. Hiện nay ông Lý Văn H1 đang quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất và nhà. Để đảm bảo quyền lợi của Nguyễn Diệu H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Diệu H gồm phần đất thì chia đôi, Huyền yêu cầu được nhận ½ diện tích đất để mẹ con Nguyễn Diệu H sử dụng; đối với căn nhà Nguyễn Diệu H xin nhận ½ giá trị căn nhà, trường hợp đất không tách thửa được ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ông ngày 13 tháng 9 năm 2024 bị đơn ông Lý Văn H1 trình bày:

Vợ chồng có mua của ông Quách Bá Tông phần đất diện tích gần 4.556m² tọa lạc tại ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất để diện tích 5.556m² vì có 1.000m² trước đây ông Tòng cho ông Nguyễn Tuấn X. Bà H yêu cầu chia tài sản chung ông không đồng ý vì đất này là để lại cho các con chứ không chia cho ai.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn H1 là bà Nguyễn Hồng Y trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lý Văn H1 đã trình bày tại biên bản ghi lời khai, phần đất này ông H1 nói sau này để lại cho con, đưa nào lớn thì cắt cho đứa đó trước chứ đất không đồng ý chia; nhà thì để ông H1 ở làm nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tuấn X là ông Nguyễn Văn Nuôi trình bày:

Về yêu cầu của nguyên đơn bà H là con của ông X yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ còn vấn đề mà bị đơn nói để lại cho con thì đây thỏa thuận nội bộ giữa bà H và ông H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đôi tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2024 ông Quách Bá Tòng trình bày:

Ông cho ông Nguyễn Tuấn X 1.000m² như trong tờ cho đất năm 2010, phần còn lại ông bán cho bà H và ông H1, phần đất ông đã bán xong nên không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H được nhận ½ giá trị tài sản chung gồm nhà và đất theo như chứng thư thẩm định giá với số tiền 162.368.000 đồng; giao cho ông H1 tiếp tục quản lý nhà và diện tích đất theo đo đạc thực tế là 6.481,9 m² tại ấp 15, xã N P, huyện U Minh. Ông H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H ½ giá trị căn nhà và đất như trên đã nêu. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Diệu H yêu cầu được chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Lý Văn H1, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại **khoản 1 Điều 28**, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Tòng yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Tòng theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với nguồn gốc tài sản mà Huyền yêu cầu: Bà H và ông Huy chung sống từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N P, huyện U Minh, quá trình chung sống bà H và ông H1 chuyển nhượng của ông Quách Bá Tòng một phần đất rừng tổng diện tích theo đo đạc thực tế 6.481,9m² tại ấp 15, xã N P và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi chuyển nhượng bà H và ông H1 quản lý canh tác phần đất này và xây dựng một căn nhà, đến năm 2023 thì ly hôn, không yêu cầu phân chia tài sản chung. Phần đất bà H yêu cầu được tạo lập **trong thời kỳ bà H và ông H1 là vợ chồng và cùng nhau canh tác, quản lý, tôn tạo**. Xét thấy, lời trình bày của bà H phù hợp với chứng cứ tài liệu được thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của ông H1 và ông X. Do đó, có căn cứ xác định nhà và đất là tài sản chung của bà H và ông H1 trong thời kỳ hôn nhân, việc bà H yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với việc bà H yêu cầu được nhận ½ diện tích đất. Xét thấy, theo bản trích đo hiện trạng thì chiều ngang hậu đất là 6,61m, nếu chia hai không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024, của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của bà H – là ông X đồng ý chia tài sản chung theo quy định pháp luật và đồng ý với kết quả đo đạc thực tế và kết quả định giá.

Do đó, Hội đồng xét xử giao ông H1 sử dụng, quản lý đất và rừng keo lai và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H ½ giá trị đất theo như trong chứng thư thẩm định giá, **giá trị ½ quyền sử dụng đất tương ứng số tiền 116.674.200 đồng và ½ giá trị cây rừng tương ứng số tiền 10.810.660 đồng (theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/4/2024 giá trị quyền sử dụng đất 233.348.400 đồng; giá trị cây rừng keo lai 21.621.321 đồng);**

Đối với căn nhà, do ông H1 đang quản lý và sử dụng, đồng thời bà H cũng đồng ý nhận ½ giá trị căn nhà, do đó ông H1 tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H ½ giá trị căn nhà theo như chứng thư thẩm định giá, **giá trị ½ căn nhà tương ứng số tiền 34.884.00 đồng (theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/4/2024 giá trị căn nhà 69.768.000 đồng).**

Tổng cộng buộc ông Lý Văn H1 hoàn trả cho bà H giá trị đất, rừng keo lai và nhà là 162.368.860 đồng.

Riêng đối với phần diện tích theo đo đạc thực tế đất 1.050,7m² ông X đang quản lý, hiện vẫn còn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1, chưa tách thửa. Do ông X không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, do đó đối với phần đất này các đương sự có quyền tự thỏa thuận về việc tách thửa, trường hợp có tranh chấp thì ông X có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà H, ông H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là $162.368.860 \times 5\% = 8.118.443$ đồng.

[4] Chi phí tố tụng

Chi phí đo đạc 10.789.200 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 6.696.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 300.000 đồng, tổng cộng là 17.785.200 đồng. Bà H và ông H1 mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ các chi phí tố tụng này bằng 8.892.600 đồng. Bà H đã dự nộp tạm ứng xong nên ông H1 có nghĩa vụ trả lại cho bà H 8.892.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 33 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệu H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất diện tích 4.556m² (theo đo đạc thực tế 6,481,9m²) tọa lạc ấp 15, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CP 331218, thửa số 1, tờ bản đồ số 19**, được Ủy ban nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2020 cho ông Quách Bá Tông sau đó chỉnh lý chuyển nhượng sang tên cho ông Lý Văn H1 và bà Nguyễn Diệu H.

Bà Nguyễn Diệu H được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 6,481,9m² tương ứng với số tiền **116.674.200 đồng; $\frac{1}{2}$ giá trị cây rừng keo lai số tiền 10.810.660 đồng; $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà số tiền 34.884.00 đồng, tổng cộng 162.368.860 đồng.**

Giao cho ông Lý Văn H1 quản lý, sử dụng phần đất tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 6,481,9m² thuộc thửa số 1, một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp 15, xã N P, huyện U Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CP 331218, thửa số 1, tờ bản đồ số 19**, được Ủy ban nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2020 cho ông Quách Bá Tông sau đó chỉnh lý chuyển nhượng sang tên cho ông Lý Văn H1 và bà Nguyễn Diệu H trong đó :

+ Hướng Đông giáp kênh Bờ Bao, cạnh dài 13,16m và giáp phần đất ông Nguyễn Tuấn X đang quản lý, cạnh dài 10,34m

+ Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn Lil, cạnh dài 6,61m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Phạm Đại Ngãi, cạnh dài 489,24 m.

+ Hướng Bắc giáp Kênh 36 có cạnh từ M1-M2 dài 337,35m, M2-M3 dài 130,38m và giáp phần đất ông Nguyễn Tuấn X quản lý từ vị trí cạnh từ M3-M4 dài 56,81 và từ M4-M5 dài 13,89m.

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất đo vẽ ngày 30/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển xanh Việt Nam).

Giao ông Lý Văn H1 được quyền quản lý, sử dụng rừng keo lai trồng trên đất.

- Giao cho ông Lý Văn H1 quản lý sử dụng căn nhà diện tích 85,5m² có kết cấu **khung cốt thép, vách dưng tol, mái tol, mặt trước xây tường, nền đất.**

Buộc ông Lý Văn H1 có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Diệu H giá trị quyền sử dụng đất, cây keo lai và căn nhà tương ứng với số tiền **162.368.860 đồng** (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi) đồng.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.118.443 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0011477 ngày 06 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, bà H còn phải tiếp tục nộp 6.118.443 (sáu triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng.

Ông Lý Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 8.118.443 (tám triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng.

3. Về Chi phí tố tụng

Tổng số tiền chi phí tố tụng là 17.785.200 đồng. Bà H và ông H1 mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng bằng 8.892.600 đồng. Bà H đã dự nộp tạm ứng xong nên buộc ông Lý Văn H1 có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Nguyễn Diệu H số tiền 8.892.600 (tám triệu tám trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi